

Số: 35/2021/QĐST-HNGĐ

*Hương Thủy, ngày 27 tháng 10 năm 2021*

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN  
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ HƯƠNG THỦY- TỈNH THỪA THIÊN HUẾ.**

Căn cứ Điều 212, Điều 213, Điều 397 Bộ luật tố tụng dân sự;  
Căn cứ Điều 55, Điều 57, Điều 58, các Điều 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116,  
117 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 103/2021/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 7 năm 2021 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

*Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

- Anh Lê Quang S, sinh năm 1989; Nơi ĐKKHKT: Thị trấn KS, huyện HH, tỉnh Quảng Trị. Chỗ ở hiện nay: Khu dân cư NQG, xã HP, huyện HV, thành phố Đà Nẵng.

- Chị Nguyễn Thị Thủy T, sinh năm 1994; Địa chỉ: Thôn TĐ 2, xã TT, thị xã HT, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 19 tháng 10 năm 2021.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1]. Anh Lê Quang S và chị Nguyễn Thị Thủy T đăng ký kết hôn vào ngày 08/10/2019 tại Ủy ban nhân dân thị trấn KS, huyện HH, tỉnh Quảng Trị trên cơ sở tự nguyện nên quan hệ hôn nhân giữa anh Lê Quang S và chị Nguyễn Thị Thủy T là hợp pháp.

Sau khi kết hôn, cuộc sống chung của vợ chồng đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, vợ chồng sống với nhau không hạnh phúc. Hiện nay tình cảm vợ chồng không còn và không thể hàn gắn, đoàn tụ được.

Xét thấy, mâu thuẫn giữa vợ chồng anh Lê Quang S và chị Nguyễn Thị Thủy T đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, việc thuận tình ly hôn giữa anh Lê Quang S và chị Nguyễn Thị Thủy T là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội. Do đó, căn cứ Điều 55 Luật Hôn nhân và

gia đình, công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Lê Quang S và chị Nguyễn Thị Thủy T.

[2]. Về con chung và việc nuôi con: Anh Lê Quang S và chị Nguyễn Thị Thủy T công nhận vợ chồng có 02 người con chung là Lê Quang Hải Đ, sinh ngày 04/6/2018 và Lê Nguyễn Gia H, sinh ngày 02/10/2020. Hai bên thỏa thuận giao con cho chị Nguyễn Thị Thủy T được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai con, anh Lê Quang S tự nguyện cấp dưỡng tiền nuôi con chung mỗi tháng là 3.000.000 đồng/con x 02 con = 6.000.000 đồng/tháng/02 con; Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày Quyết định có hiệu lực pháp luật cho đến khi các con trưởng thành.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung theo quy định của pháp luật.

[3] Về tài sản chung: Anh Lê Quang S và chị Nguyễn Thị Thủy T trình bày không yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản chung.

[4] Về nợ chung: Anh Lê Quang S và chị Nguyễn Thị Thủy T xác định không có nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- **Về quan hệ hôn nhân:** Anh Lê Quang S và chị Nguyễn Thị Thủy T thuận tình ly hôn.

- **Về con chung và việc nuôi con:** Anh Lê Quang S và chị Nguyễn Thị Thủy T công nhận vợ chồng có 02 người con chung là Lê Quang Hải Đ, sinh ngày 04/6/2018 và Lê Nguyễn Gia H, sinh ngày 02/10/2020. Hai bên thỏa thuận giao con cho chị Nguyễn Thị Thủy T được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai con, anh Lê Quang S tự nguyện cấp dưỡng tiền nuôi con chung mỗi tháng là 3.000.000 đồng/con x 02 con = 6.000.000 đồng/tháng/02 con; Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày Quyết định có hiệu lực pháp luật cho đến khi các con trưởng thành.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày chị Nguyễn Thị Thủy T có đơn yêu cầu thi hành án, anh Lê Quang S không thi hành hoặc thi hành không đầy đủ khoản tiền cấp dưỡng nuôi con định kỳ thì phải chịu khoản tiền lãi tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

- **Về tài sản chung:** Anh Lê Quang S và chị Nguyễn Thị Thủy T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về nợ chung:** Anh Lê Quang S và chị Nguyễn Thị Thủy T xác định vợ chồng không có nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: là 300.000 đồng, anh Lê Quang S và chị Nguyễn Thị Thủy T mỗi người phải chịu 150.000 đồng lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí là 150.000 đồng mà anh Lê Quang

S đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0001412 ngày 06/7/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế và số tiền tạm ứng lệ phí là 150.000 đồng mà chị Nguyễn Thị Thủy T đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0001413 ngày 06/7/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế.

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh TT Huế;
- VKSND thị xã Hương Thủy;
- Chi cục THADS thị xã Hương Thủy;
- UBND thị trấn KS, huyện HH, tỉnh Quảng Trị (ĐKKH ngày 08/10/2019);
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**THẨM PHÁN**

**Mai Văn Phú**